

Thứ tư, ngày 3 tháng 6 năm 2020

Vietnam Daily Review

Kiểm tra ngưỡng 880 điểm

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 04/06/2020		•	
Tuần 1/6-5/6/2020		•	
Tháng 6/2020		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Thị trường cơ phiên tăng điểm nhẹ khi xu hướng tăng kéo dài trong cả phiên giao dịch. Khối ngoại bán ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Dòng tiền đầu tư lan tỏa vào 12/19 nhóm ngành với mức tăng mạnh nhất ở nhóm Hóa chất (PHR, GVR) và Ngân hàng (HDB, ACB). Độ rộng thị trường chuyển sang trạng thái tích cực, biên độ thị trường không đổi và thanh khoản suy giảm mạnh cho thấy dấu hiệu giao dịch thận trọng hơn trên thị trường. BSC khuyến nghị nhà đầu tư có thể mở vị thế tại những cổ phiếu cơ bản tốt trong các phiên giao dịch tới nếu thị trường duy trì nhịp tăng với mức thanh khoản cao.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 795 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 03/06/2020, hầu hết chứng khoán cơ sở đều tăng, trong khi chứng quyền có sự phân hóa về giá. Giá trị giao dịch giảm mạnh.

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest:

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Bắt động sản Khu công nghiệp_4.0%

Phân tích kỹ thuật: KDH_Tăng giá (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **+6.37 điểm**, đóng cửa 881.17. HNX-Index **+2.85 điểm**, đóng cửa 116.49.
- Kéo chỉ số tăng: **VCB (+1.38); GAS (+0.88); CTG (+0.59); HDB (+0.52); BID (+0.52).**
- Kéo chỉ số giảm: **SAB (-1.24); VJC (-1.04); CTD (-0.48); HPG (-0.47); HVN (-0.34).**
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **4,244 tỷ đồng, giảm -29.7%** so với phiên trước.
- Biên độ dao động là 7.16 điểm, gần như không đổi so với phiên trước. Thị trường có 203 mã tăng, 65 mã tham chiếu và 157 mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-65.26 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm E1VFN30 (-131.2 tỷ), CII (-50.2 tỷ) và BVH (-20.7 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-17.78 tỷ đồng.**

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nhóm Phân tích định lượng- i-Invest

Đỗ Nam Tùng

tungdn@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX

881.17

Giá trị: 4325.75 tỷ

6.37 (0.73%)

Khối ngoại (ròng): -65.26 tỷ

HNX-INDEX

116.49

Giá trị: 623.32 tỷ

2.85 (2.51%)

Khối ngoại (ròng): -17.78 tỷ

UPCOM-INDEX

56.33

Giá trị: 676.05 tỷ

0.35 (0.63%)

Khối ngoại(ròng): 19.85 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	37.5	1.90%
Giá vàng	1,720	-0.45%
Tỷ giá USD/VND	23,264	0.03%
Tỷ giá EUR/VND	26,027	0.52%
Tỷ giá JPY/VND	21,390	-0.04%
LS liên NH 1 tháng	1.2%	1.50%
LS TPCP 5 năm	2.1%	-1.51%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VHM	75.3	E1VFN30	-131.2
VNM	39.4	CII	-50.2
CTG	35.4	BVH	-20.7
VCB	15.3	VIC	-18.8
GAS	11.1	DBC	-17.7

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Tín hiệu hàng hóa	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Cổ phiếu lớn	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
iBroker	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10

Cập nhật Hiệu suất Danh mục i-Invest

BSC RESEARCH

Vietnam Daily Review

3/6/2020

* Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Bất động sản Khu công nghiệp_4.0%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						Độ lệch chuẩn
	Ngày	Tuần	Tháng	Quý	Nửa năm	Năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	16/24 danh mục Chủ đề có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
Bất động sản Khu công nghiệp	4.0%	3.8%	3.8%	11.6%	11.6%	11.6%	26.1%
Dầu khí	3.0%	6.3%	6.3%	49.1%	-19.4%	-19.4%	25.1%
Ngân Hàng	1.8%	5.5%	5.5%	39.4%	0.2%	0.2%	23.4%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	1.8%	5.1%	5.1%	41.4%	-2.1%	-2.1%	21.5%
Hàng tiêu dùng	1.7%	1.3%	1.3%	50.2%	-3.1%	-3.1%	19.5%
Stay-at-home	1.7%	0.9%	0.9%	39.7%	1.3%	1.3%	17.2%
VN FinSelect	1.7%	4.7%	4.7%	39.8%	-2.2%	-2.2%	19.9%
Lãi suất giảm	1.5%	0.9%	0.9%	43.9%	-5.1%	-5.1%	19.0%
Top 10 cổ phiếu VN30	1.4%	3.3%	3.3%	35.5%	-10.5%	-10.5%	16.6%
Cổ phiếu hết room ngoại	1.3%	2.8%	2.8%	37.0%	-8.9%	-8.9%	19.3%
BĐS & Khu công nghiệp	1.3%	2.2%	2.2%	30.7%	-9.4%	-9.4%	17.8%
Corona Avengers	1.2%	3.7%	3.7%	52.9%	0.8%	0.8%	21.9%
VN Diamond	1.1%	2.4%	2.4%	37.1%	-9.7%	-9.7%	19.4%
Bảo hiểm & Chứng khoán	0.9%	1.8%	1.8%	38.7%	-6.0%	-6.0%	22.4%
Chiến tranh thương mại	0.9%	0.9%	0.9%	43.4%	-9.2%	-9.2%	18.1%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	0.8%	1.8%	1.8%	43.7%	-8.2%	-8.2%	21.2%
Nước & Năng lượng	0.7%	1.1%	1.1%	30.0%	-7.8%	-7.8%	16.6%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	0.6%	1.3%	1.3%	34.0%	-7.6%	-7.6%	17.7%
Ngành Dược	0.5%	1.1%	1.1%	19.1%	-4.7%	-4.7%	18.2%
Vật liệu Xây dựng	0.5%	0.0%	0.0%	45.0%	-1.8%	-1.8%	20.5%
MSCI frontier 100 Việt Nam	0.4%	1.2%	1.2%	32.1%	-7.2%	-7.2%	15.9%
FTSE Việt Nam	0.3%	0.9%	0.9%	29.9%	-7.2%	-7.2%	16.9%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	0.0%	1.3%	1.3%	35.8%	5.6%	5.6%	15.6%
Xây dựng	-0.3%	1.5%	1.5%	40.5%	-3.6%	-3.6%	19.1%
Mục tiêu	5/9 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
M31	1.4%	3.2%	3.2%	38.1%	-5.7%	-5.7%	20.9%
S21	1.1%	1.4%	1.4%	39.2%	-5.8%	-5.8%	19.9%
L32	0.9%	3.5%	3.5%	54.4%	-6.5%	-6.5%	20.8%
M12	0.9%	1.7%	1.7%	33.9%	-4.5%	-4.5%	19.9%
S32	0.8%	2.1%	2.1%	48.6%	-12.8%	-12.8%	22.2%
M22	0.6%	1.3%	1.3%	39.6%	-1.9%	-1.9%	18.8%
S11	0.6%	1.3%	1.3%	27.8%	-2.3%	-2.3%	18.8%
L11	0.5%	1.4%	1.4%	31.1%	-9.1%	-9.1%	17.3%
L22	0.4%	0.7%	0.7%	41.3%	-7.3%	-7.3%	19.6%
Khẩu vị Rủi ro	3/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
HIGH3	2.3%	3.0%	3.0%	43.6%	2.4%	2.4%	18.9%
MID1	1.3%	2.4%	2.4%	39.0%	0.1%	0.1%	17.4%
LOW1	0.8%	1.5%	1.5%	30.0%	-4.1%	-4.1%	17.0%
INDEX							
VNINDEX	0.7%	1.9%	1.9%	33.0%	-8.3%	-8.3%	16.8%
VN30INDEX	0.7%	2.2%	2.2%	35.0%	-6.2%	-6.2%	17.3%

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu thật theo đúng kỳ tái cân bằng của danh mục.

Tham chiếu chỉ số VNINDEX

Danh mục	Tổng số	Ngày		Tuần		Tháng	
		Thắng	Thua	Thắng	Thua	Thắng	Thua
Chủ đề	24	16	8	10	14	10	14
Mục tiêu	9	5	4	3	6	3	6
Rủi ro	3	3	0	2	1	2	1

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

Phân tích kỹ thuật

KDH_Tăng giá

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ dương, MACD nằm trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: Vùng trung lập, xu hướng tăng.

Nhận định: KDH đã hình thành xu hướng tăng giá sau khi vận động tích lũy ngắn hạn tại ngưỡng giá 22. Thanh khoản cổ phiếu tăng mạnh vượt ngưỡng trung bình 20 phiên, đồng thuận với đà tăng giá của cổ phiếu. Chỉ báo RSI và chỉ báo MACD đều ủng hộ xu hướng tăng giá. Đường giá cổ phiếu cũng đã vượt lên dải mây Ichimoku cho thấy xu hướng tăng giá trung hạn đã hình thành. Như vậy, nhà đầu tư đã mở vị thế KDH tại vùng giá 21-22 có thể cân nhắc chốt lãi tại vùng kháng cự 25-26 trong các phiên giao dịch tới. Cắt lỗ nếu cổ phiếu mất ngưỡng hỗ trợ 21.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

PLX_ Tín hiệu tích cực

[Link](#)

GVR_ Tín hiệu tích cực

[Link](#)

PC1_Tăng giá

[Link](#)

CTI_Xu hướng tăng

[Link](#)

VNM_Hưng phấn

[Link](#)

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 03/06

*Mặt hàng	ĐVT	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	37.65	2.28%	14.80%	68.90%	-28.26%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	40.20	1.59%	13.40%	40.20%	-30.44%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USDcent/gallon	112.33	0.45%	10.40%	42.00%	-32.47%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1726.24	-0.08%	1.00%	1.40%	28.86%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	17.86	-1.14%	3.50%	20.90%	20.36%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	852.25	0.21%	0.40%	0.30%	-9.74%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	509.00	0.20%	0.90%	-1.50%	-7.79%		AFX
Sữa	USD /cwt	19.65	0.26%	9.60%	61.20%	18.59%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	144.79	1.34%	1.30%	n/a	n/a	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	11.22	2.00%	1.50%	8.20%	-17.62%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	98.20	-0.10%	-6.60%	-7.60%	-16.21%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/ton	5528.50	0.81%	3.10%	5.10%	-5.96%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	USD/ton	511.42	0.66%	5.20%	9.80%	n/a	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1547.00	0.65%	1.80%	2.70%	-13.38%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	105.94	0.04%	9.00%	26.00%	n/a	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	56.50	0.36%	-0.50%	6.60%	-29.46%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Dầu thô Brent kỳ hạn tháng 8 tăng 1.25 USD (3.3%) lên 39.57 USD/thùng. Dầu thô Tây Texas WTI kỳ hạn tháng 7 tăng 1.37 USD (3.9%) lên 36.81 USD/thùng.
- Tổ chức các nước xuất khẩu dầu mỏ và một số nước sản xuất dầu lớn khác, trong đó có Nga, đang xem xét gia hạn việc cắt giảm sản lượng 9.7 triệu thùng mỗi ngày (bpd), tương đương khoảng 10% sản lượng toàn cầu, tới tháng 7 hoặc 8/2020. Cuộc họp của họ dự kiến sẽ diễn ra vào ngày thứ Năm 4/6. Theo kế hoạch ban đầu của nhóm này, trong tháng 5 và 6, mức cắt giảm sản lượng là 9.7 triệu thùng/ngày, sau đó giảm xuống còn 7.7 triệu thùng/ngày trong giai đoạn từ tháng 7 đến tháng 12/2020.
- Các kho dự trữ dầu thô của Mỹ đã giảm 483,000 thùng trong tuần kết thúc vào ngày 29/5, xuống còn 531 triệu thùng.

Giá vàng

- Vàng giao ngay giảm 0.7% xuống 1,727.23 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 8/2020 giảm 0.9% xuống 1,734 USD/ounce.

Giá sắt thép

- Quặng sắt trên sàn Đại Liên tăng 0.1% lên 757 CNY (106.3 USD)/tấn. Quặng sắt trên sàn Singapore cũng tăng 1% lên 98.2 USD/tấn. Quặng sắt nhập khẩu vào Trung Quốc (hàm lượng 62% sắt) đạt 102.5 USD/tấn.
- Nhiều dấu hiệu cho thấy nhu cầu đang hồi phục khi nền kinh tế lớn thứ 2 thế giới tiếp tục nới lỏng những hạn chế chống lại sự lây lan của virus corona. Tồn trữ thép của Trung Quốc đang giảm nhanh, thôi thúc các nhà máy đẩy tăng sản lượng, kéo nhu cầu quặng sắt nguyên liệu tăng theo. Trong khi đó, số ca lây nhiễm virus corona ở Brazil tiếp tục tăng, gây lo ngại về khả năng cung cấp quặng từ nước này trong thời gian tới.

Giá cao su

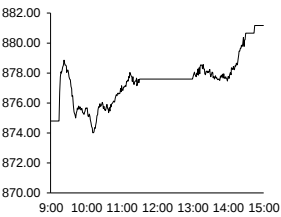
- Hợp đồng cao su trên sàn giao dịch hàng hóa Tokyo kỳ hạn tháng 11 tăng 1 JPY lên 155.3 JPY/kg. Hợp đồng cao su kỳ hạn tháng 9 trên sàn giao dịch Thượng Hải tăng 0.5% lên 10,300 CNY/tấn.
- Các thị trường, bao gồm cả các mặt hàng như cao su, đã hồi phục mạnh sau khi giảm sâu hồi tháng 3 và 4/2020, bởi hy vọng kinh tế thế giới hồi phục nhanh sau đại dịch COVID-19.

Giá nông sản

- Đường thô kỳ hạn tháng 7 tăng 0.22 US cent (2%) lên 11.22 US cent/lb. Đường trắng kỳ hạn tháng 8/2020 tăng 5.2 USD (1.4%) lên 370 USD/tấn. Giá đường thô tăng phiên thứ 4 liên tiếp theo xu hướng giá dầu giữa bối cảnh giảm lo ngại về tình trạng nguồn cung dư thừa. Giá dầu tăng đã khiến các nhà chế biến mía Brazil tăng cường sản xuất ethanol.
- Cà phê arabica kỳ hạn tháng 7 giảm 0.1 US cent (0.1%) xuống 98.2 US cent/lb, do dự báo sản lượng của Brazil sẽ cao gần kỷ lục trong khi nhu cầu có nguy cơ sụt giảm do đại dịch. Cà phê robusta kỳ hạn tháng 7 tăng 20 USD (1.7%) lên 1,179 USD/tấn. Xuất khẩu cà phê Sumatra (Indonesia) trong tháng 5/2020 đã giảm 9% so với một năm trước đó.

Hình 1

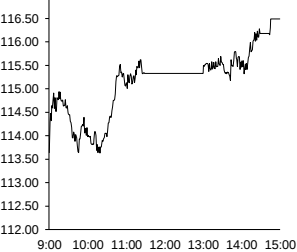
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

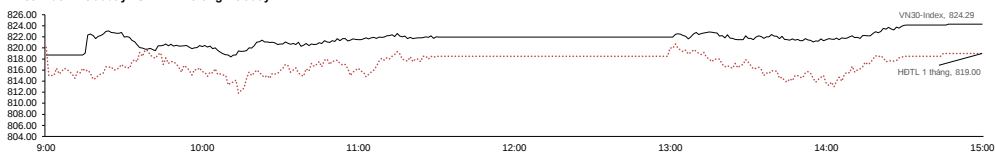
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Hóa chất	2.63%
Ngân hàng	1.83%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	1.53%
Công nghệ Thông tin	1.17%
Dầu khí	0.89%
Dịch vụ tài chính	0.52%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.41%
Bất động sản	0.40%
Truyền thông	0.30%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.23%
Bán lẻ	0.16%
Viễn thông	0.00%
Thực phẩm và đồ uống	-0.01%
Bảo hiểm	-0.04%
Ô tô và phụ tùng	-0.20%
Y tế	-0.22%
Xây dựng và Vật liệu	-0.37%
Du lịch và Giải trí	-0.56%
Tài nguyên Cơ bản	-0.62%

Nguồn: FiinPro

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index Intraday vs HDTL 1 tháng intraday

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 4 Hợp đồng tương lai							
CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đạo hạn	Số ngày*
VN30F2006	819.00	1.35%	-5.29	-0.9%	204,025	6/18/2020	17
VN30F2007	808.30	1.72%	-15.99	22.2%	1,051	7/16/2020	45
VN30F2009	789.00	1.28%	-35.29	-40.3%	132	9/17/2020	108
VN30F2012	789.00	1.17%	-35.29	-71.7%	89	12/17/2020	199

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

• VN30 Index tăng 5.59 điểm lên mức 824.29 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như HDB, VCB, TCB, CTG, và FPT tác động mạnh đến vận động tăng của VN30. VN30 biến động đầu phiên sáng, trước khi giành phần lớn thời gian giao dịch tăng tích cực lên gần 825 điểm. Thanh khoản giảm, VN30 có thể vận động tích lũy ngắn hạn trước khi tiếp tục tăng lên 840 điểm trong những phiên tiếp theo.

• Các HDTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, VN30F2006 và VN30F2009 đang tăng, trong khi VN30F2007 và VN30F2012 đang giảm. Xét về vị thế mở, các hợp đồng đều tăng. Điều này báo hiệu nhịp điều chỉnh giảm. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 795 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đạo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CHDB2001	KIS	6/19/2020	16	2:1	783.430	-28.4%	5.0 triệu	39.00%	2,000	460	142.11%	692.20	0.66
CVPB2001	HSC	6/22/2020	19	2:1	107,040	-74.5%	5.0 triệu	42.77%	1,500	2,100	7.69%	2,183.30	0.96
CFPT2005	VND	7/1/2020	28	1:1	34,880	-32.7%	1.0 triệu	32.00%	2,900	8,460	5.35%	8,231.50	1.03
CDPM2002	KIS	12/16/2020	196	1:1	96,810	-41.0%	2.0 triệu	39.45%	1,700	2,620	4.38%	1,589.50	1.65
CMBB2004	VND	7/1/2020	28	1:1	86,270	-25.8%	2.0 triệu	33.22%	1,100	1,700	3.03%	1,345.10	1.26
CTCB2004	MBS	8/18/2020	76	2:1	200,330	-43.3%	2.0 triệu	35.56%	1,050	2,450	2.94%	2,307.30	1.06
CFPT2004	SSI	8/10/2020	68	1:1	38,030	88.4%	2.0 triệu	32.00%	5,100	9,190	2.11%	7,758.80	1.18
CVNM2003	MBS	9/4/2020	93	10:1	276,010	67.4%	3.0 triệu	30.06%	1,450	2,630	1.94%	2,419.30	1.09
CVHM2001	KIS	12/16/2020	196	5:1	156,880	-45.8%	2.0 triệu	34.77%	3,100	1,600	1.27%	656.00	2.44
CPNJ2004	MBS	8/18/2020	76	5:1	213,350	-5.7%	2.5 triệu	34.88%	1,000	960	1.05%	562.00	1.71
CREE2002	VND	7/1/2020	28	1:1	116,220	98.6%	1.5 triệu	29.33%	1,800	1,940	0.52%	940.80	2.06
CFPT2003	SSI	11/9/2020	159	1:1	34,250	0.0%	2.0 triệu	32.00%	7,300	11,820	0.00%	9,545.40	1.24
CSTB2003	KIS	9/16/2020	105	1:1	281,170	-28.1%	3.0 triệu	38.76%	1,360	1,330	0.00%	747.90	1.78
CMWG2005	VND	10/1/2020	120	2:1	24,460	-24.0%	1.0 triệu	38.71%	2,500	5,800	-1.02%	2,729.10	2.13
CVPB2005	MBS	8/18/2020	76	2:1	141,520	-38.8%	2.0 triệu	42.77%	1,510	2,720	-1.09%	2,619.50	1.04
CHPG2005	VND	10/1/2020	120	1:1	57,580	-29.4%	2.0 triệu	34.93%	2,100	8,220	-1.20%	8,304.70	0.99
CHPG2002	KIS	12/16/2020	196	2:1	90,890	-74.6%	3.0 triệu	34.93%	1,700	1,710	-1.72%	929.00	1.84
CMSN2004	MBS	9/4/2020	93	5:1	122,930	-15.4%	1.5 triệu	33.08%	1,980	2,510	-3.09%	2,102.40	1.19
CPNJ2002	VND	10/1/2020	120	2:1	87,540	234.8%	1.0 triệu	34.88%	2,400	3,990	-3.16%	1,636.20	2.44
CHPG2004	SSI	6/15/2020	12	1:1	102,870	-12.3%	5.0 triệu	34.93%	2,800	3,430	-4.99%	3,494.70	0.98
CPNJ2003	VCSC	10/26/2020	145	5:1	20	-97.5%	1.5 triệu	34.88%	2,000	1,400	-6.04%	443.50	3.16
Tổng:					3,052,480		50.00 triệu		35.38%**				
Chú thích:					Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất				CR: Tỷ lệ chuyển đổi				
					Lãi suất phi rủi ro là 4.75%				Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn				
					**Trung bình độ lệch chuẩn				*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes				

Nhận định:

• Trong phiên giao dịch ngày 03/06/2020, hầu hết chứng khoán cơ sở đều tăng, trong khi chứng quyền có sự phân hóa về giá. Giá trị giao dịch giảm mạnh.

• Về giá, CFPT2005 tăng tích cực 5.35%. Trái lại, CPNJ2003 giảm tiêu cực -6.04%. Giá trị giao dịch giảm -34.13%. CVNM2003 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 8.64% thị trường.

• Ngoại trừ các chứng quyền có chứng khoán cơ sở là FPT, HDB, HPG, MBB, STB, TCB và VPB, các chứng quyền khác đều có giá thị trường cao hơn nhiều lần mức giá lý thuyết. CHPG2005 và CHPG2007 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CHPG2005 và CFPT2005 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.

Tổ Quang Vinh
vinhqa@bsc.com.vnBảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
HDB	28.50	6.94	1.64
VCB	87.90	1.50	0.70
TCB	21.35	0.95	0.60
CTG	24.00	2.35	0.54
FPT	48.65	1.35	0.53

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VJC	113.8	-0.78	-0.31
SAB	180.0	-1.64	-0.28
HPG	27.0	-0.37	-0.22
CTD	67.3	-6.40	-0.21
ROS	3.0	-5.63	-0.07

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hóa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CHDB2001	33,099	29,099	28,500
CVPB2001	23,000	20,000	24,300
CFPT2005	51,900	49,000	48,650
CDPM2002	16,952	15,252	14,650
CMBB2004	18,100	17,000	18,050
CTCB2004	19,100	17,000	21,350
CFPT2004	55,100	50,000	48,650
CVNM2003	108,500	94,000	116,600
CVHM2001	110,067	94,567	77,900
CPNJ2004	72,000	67,000	63,400
CREE2002	33,800	32,000	31,700
CFPT2003	57,300	50,000	48,650
CSTB2003	12,471	11,111	10,650
CMWG2005	97,000	92,000	85,400
CVPB2005	22,520	19,500	24,300
CHPG2005	21,100	19,000	26,950
CHPG2002	33,399	29,999	26,950
CMSN2004	64,900	55,000	64,000
CPNJ2002	73,800	69,000	63,400
CHPG2004	26,300	23,500	26,950
CPNJ2003	85,000	75,000	63,400

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	85.4	0.1%	1.3	1,681	3.2	8,808	9.7	2.9	49.0%	33.6%
PNJ	Bán lẻ	63.4	0.3%	1.3	621	1.3	5,248	12.1	2.9	49.0%	26.0%
BVH	Bảo hiểm	49.9	0.0%	1.3	1,611	2.3	1,307	38.2	1.9	28.4%	5.3%
PVI	Bảo hiểm	30.5	-0.3%	0.5	296	0.0	2,092	14.6	1.0	54.3%	7.0%
VIC	Bất động sản	96.8	0.1%	0.8	14,236	1.9	2,095	46.2	4.1	14.0%	10.6%
VRE	Bất động sản	28.1	1.8%	1.1	2,776	4.0	1,226	22.9	2.4	30.9%	10.3%
NVL	Bất động sản	54.3	0.2%	0.8	2,289	1.6	3,584	15.2	2.3	5.9%	16.3%
REE	Bất động sản	31.7	0.2%	0.8	427	0.7	4,976	6.4	1.0	49.0%	16.0%
DXG	Bất động sản	11.6	1.8%	1.4	262	1.5	2,289	5.1	0.9	39.9%	15.9%
SSI	Chứng khoán	15.2	1.0%	1.3	397	2.1	1,415	10.7	0.9	50.4%	7.8%
VCI	Chứng khoán	23.7	-0.6%	1.0	169	0.4	4,240	5.6	1.0	29.1%	18.0%
HCM	Chứng khoán	19.3	1.0%	1.8	255	0.9	1,480	13.0	1.3	53.4%	12.0%
FPT	Công nghệ	48.7	1.4%	0.8	1,658	4.0	4,804	10.1	2.2	49.0%	23.4%
FOX	Công nghệ	49.8	1.4%	0.4	539	0.0	4,812	10.3	2.6	0.2%	28.3%
GAS	Dầu khí	78.0	2.1%	1.5	6,491	2.1	5,820	13.4	2.9	3.3%	23.6%
PLX	Dầu khí	46.7	0.6%	1.5	2,418	1.0	869	53.7	3.0	13.3%	5.7%
PVS	Dầu khí	13.4	2.3%	1.5	278	3.8	1,238	10.8	0.5	12.7%	4.8%
BSR	Dầu khí	7.3	10.6%	0.8	984	3.7	898	8.1	0.7	41.1%	8.5%
DHG	Dược	93.0	-1.1%	0.5	529	0.0	5,046	18.4	3.5	54.4%	20.2%
DPM	Hóa chất	14.7	1.7%	0.5	249	2.1	1,006	14.6	0.7	12.4%	5.4%
DCM	Hóa chất	8.3	0.5%	0.5	191	0.4	415	20.0	0.7	1.9%	3.7%
VCB	Ngân hàng	87.9	1.5%	1.1	14,174	1.8	4,848	18.1	3.8	23.8%	22.8%
BID	Ngân hàng	41.0	1.1%	1.4	7,170	1.6	2,140	19.2	2.2	17.7%	12.0%
CTG	Ngân hàng	24.0	2.3%	1.2	3,885	7.2	2,510	9.6	1.1	29.7%	12.6%
VPB	Ngân hàng	24.3	0.8%	1.2	2,576	4.1	3,750	6.5	1.3	23.4%	22.7%
MBB	Ngân hàng	18.1	0.8%	1.1	1,892	3.4	3,398	5.3	1.0	23.0%	20.1%
ACB	Ngân hàng	25.5	2.8%	1.0	1,843	4.1	3,780	6.7	1.4	30.0%	23.9%
BMP	Nhựa	47.7	0.4%	0.9	170	0.3	5,303	9.0	1.5	80.0%	17.0%
NTP	Nhựa	36.2	0.0%	0.4	155	0.0	4,208	8.6	1.4	18.7%	17.0%
MSR	Tài nguyên	15.0	0.0%	0.5	645	0.0	356	42.1	1.2	2.0%	2.9%
HPG	Thép	27.0	-0.4%	1.1	3,235	14.1	2,764	9.8	1.5	36.4%	17.4%
HSG	Thép	9.9	1.4%	1.5	192	4.3	1,491	6.7	0.7	16.1%	11.3%
VNM	Tiêu dùng	116.6	0.5%	0.7	8,828	6.7	5,453	21.4	6.8	58.8%	32.5%
SAB	Tiêu dùng	180.0	-1.6%	0.8	5,019	0.4	6,719	26.8	6.7	63.3%	27.2%
MSN	Tiêu dùng	64.0	0.2%	1.0	3,253	2.1	3,961	16.2	1.8	39.4%	12.7%
SBT	Tiêu dùng	15.0	0.0%	0.8	381	1.4	171	87.6	1.2	5.9%	1.5%
ACV	Vận tải	60.3	0.3%	0.8	5,708	0.7	3,450	17.5	3.6	3.4%	22.3%
VJC	Vận tải	113.8	-0.8%	1.1	2,592	1.5	7,110	16.0	4.0	18.5%	26.3%
HVN	Vận tải	27.4	-0.4%	1.7	1,687	0.6	1,654	16.5	2.1	9.3%	12.9%
GMD	Vận tải	19.7	2.6%	0.9	254	0.5	1,583	12.4	1.0	49.0%	7.8%
PVT	Vận tải	11.7	4.5%	1.1	143	1.4	2,117	5.5	0.7	24.8%	14.3%
VCS	Vật liệu xây dựng	66.7	-0.1%	0.9	450	0.5	9,201	7.2	3.1	2.6%	45.7%
VGC	Vật liệu xây dựng	18.7	-1.3%	0.8	364	0.2	1,453	12.8	1.3	9.8%	10.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	14.9	2.4%	1.0	247	0.2	1,938	7.7	1.0	6.4%	13.8%
CTD	Xây dựng	67.3	-6.4%	1.1	223	4.5	8,032	8.4	0.6	46.6%	7.3%
VCG	Xây dựng	25.2	0.4%	0.4	484	0.1	1,498	16.8	1.6	0.5%	10.0%
CII	Xây dựng	19.6	2.1%	0.4	203	3.2	1,775	11.0	0.9	43.7%	8.5%
POW	Điện	10.6	1.0%	0.6	1,079	0.8	1,028	10.3	0.9	11.4%	9.4%
NT2	Điện	21.2	0.0%	0.5	265	0.1	2,543	8.3	1.4	17.9%	18.1%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCB	87.90	1.50	1.38	462750.00
GAS	78.00	2.09	0.88	633960.00
CTG	24.00	2.35	0.59	6.90MLN
HDB	28.50	6.94	0.52	2.00MLN
BID	41.00	1.11	0.52	896130.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SAB	0.00	-0.55	54700.00	1.11MLN
VJC	0.00	-0.14	311360.00	607060.00
CTD	-0.01	-0.10	1.54MLN	373600.00
HPG	0.00	-0.08	12.02MLN	192700.00
HVN	0.00	-0.04	534160.00	611640.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VID	6.27	7.00	0.00	26050.00
QBS	2.76	6.98	0.00	497610.00
HDB	28.50	6.94	0.52	2.00MLN
EMC	12.35	6.93	0.00	20.00
BBC	48.75	6.91	0.01	740.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
MCP	12.60	-11.89	-0.01	20.00
SVC	65.10	-7.00	-0.04	1800.00
VAF	6.79	-6.99	-0.01	10.00
TNI	9.86	-6.98	-0.01	6.94MLN
HAS	6.93	-6.98	0.00	4500.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SHB	15.20	8.57	1.58	12.20MLN
ACB	25.50	2.82	1.11	3.76MLN
SHS	9.70	7.78	0.10	3.89MLN
PVS	13.40	2.29	0.07	6.54MLN
NDN	19.90	5.85	0.05	823800.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

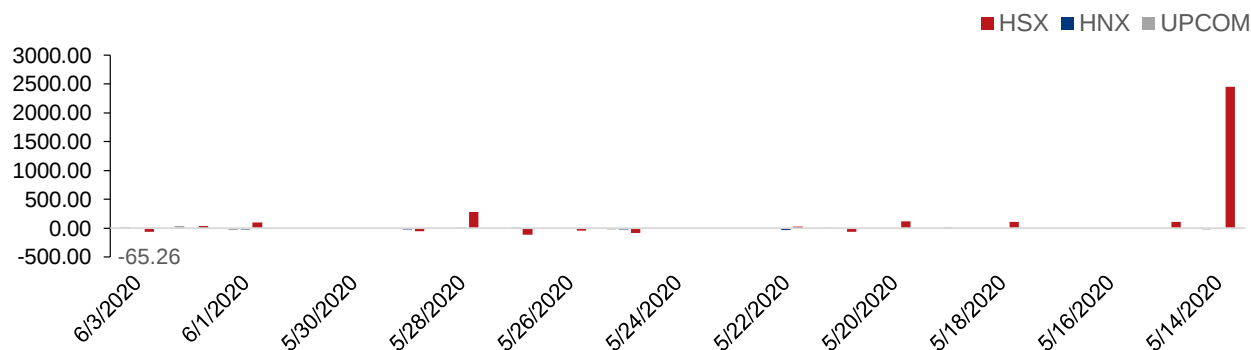
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DGC	38.20	-1.80	-0.06	162400.00
TVC	28.40	-5.33	-0.05	536000.00
VIF	16.30	-6.32	-0.04	3000.00
DP3	74.00	-10.84	-0.04	6000.00
CTB	30.60	-10.00	-0.03	300.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIG	0.90	12.5	0.00	123900.00
HTP	8.80	10.0	0.00	100.00
TMX	15.40	10.0	0.00	100.00
SRA	13.30	9.9	0.02	480500.00
S99	7.80	9.9	0.03	121300.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACM	0.50	-16.67	-0.01	104600.00
PVX	0.80	-11.11	-0.02	2.78MLN
DP3	74.00	-10.84	-0.04	6000.00
CTB	30.60	-10.00	-0.03	300.00
VTC	9.00	-10.00	0.00	100.00



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	Phân tích vĩ mô		Click
2	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	Phân tích vĩ mô		Click
3	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020	Phân tích ngành		Click
4	BSC_Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	Phân tích vĩ mô		Click
5	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	Phân tích vĩ mô		Click
6	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 2.2020	Phân tích vĩ mô		Click
7	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	Phân tích vĩ mô		Click
8	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector	Phân tích ngành		Click
9	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona) và tác động	Phân tích vĩ mô		Click
10	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 1.2020	Phân tích vĩ mô		Click
11	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020	Phân tích ngành		Click
12	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	Phân tích vĩ mô		Click
13	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN	Phân tích ngành		Click
14	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	Phân tích vĩ mô		Click
15	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 11.2019	Phân tích vĩ mô		Click
16	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 10.2019	Phân tích vĩ mô		Click
17	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
18	Vĩ Mô & Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
19	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
20	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	VEA	Sản xuất	Theo dõi	27/05/2020	40.0	44.2	43.2	5,479	7.9	2.2	Click
2	SZC	Bất động sản	Mua	20/05/2018	18.7	22.2	22.0	1,140	19.3	1.8	Click
3	HPG	VLXD	Mua	20/05/2019	26.2	36.7	27.0	2,764	9.8	1.5	Click
4	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	20/05/2020	21.3	25.0	21.4	2,987	7.1	1.2	Click
5	PNJ	Bán lẻ	Theo dõi	19/5/2020	62.0	64.5	63.4	5,248	12.1	2.9	Click
6	VTP	Viễn thông	Mua	19/5/2020	125.0	145.9	133.9	5,718	23.4	8.2	Click
7	DXG	Bất động sản	Theo dõi	19/5/2020	10.6	15.4	11.6	2,289	5.1	0.9	Click
8	PLC	Dầu khí	Theo dõi	15/5/2020	16.4	18.8	16.2	1,496	10.8	1.0	Click
9	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/2020	27.3	N/a	28.6	7,637	3.7	1.3	Click
10	CSV	Hóa chất	Theo dõi	13/5/2020	20.6	N/a	23.5	5,311	4.4	1.1	Click
11	DGW	Bán lẻ	Mua	13/5/2020	26.9	32.1	28.0	4,465	6.3	1.2	Click
12	VCB	Ngân hàng	Mua	8/5/2020	67.4	90.0	87.9	4,848	18.1	3.8	Click
13	ACB	Ngân hàng	Mua	7/5/2020	20.3	27.0	25.5	3,780	6.7	1.4	Click
14	VHC	Thủy sản	Theo dõi	6/5/2020	29.5	33.8	34.4	6,553	5.2	1.2	Click
15	PHR	Cao su	Mua	21/4/2020	43.7	51.9	54.5	3,887	14.0	2.7	Click
16	FPT	Công nghệ	Mua	16/4/2020	46.4	60.7	48.7	4,804	10.1	2.2	Click
17	GMD	Vận tải	Mua	18/3/2020	16.4	27.2	19.7	1,583	12.4	1.0	Click
18	KBC	Bất động sản	Mua	13/3/2020	12.4	17.1	14.3	1,880	7.6	0.7	Click
19	SAB	Thực phẩm	Theo dõi	13/3/2020	144.0	161.1	180.0	6,719	26.8	6.7	Click
20	KDH	Bất động sản	Mua	11/3/2020	23.0	28.9	23.2	1,780	13.0	1.6	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC iBroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HDTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gỗ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express GVR 2020Q2	5/5/2020	Kế hoạch 2020. Doanh thu đạt 24.647 tỷ đồng (+7.76% yoy), LNNT đạt 4.961 tỷ đồng (+6.57%yoy) trong đó Tổng sản lượng khai thác từ 360.000 tấn trở lên, tăng 8,66% so với năm 2019; thu mua 73.000 tấn, sản lượng tiêu thụ kế hoạch 433.000 tấn, tăng 4,79% so với năm 2019. Lĩnh vực kinh doanh chiếm tỷ trọng doanh thu cao nhất là kinh doanh mỏ cao su bị sụt giảm mạnh do giá bán cao su vẫn còn rất thấp; khối sản phẩm gỗ và công nghiệp cao su đang chịu áp lực cạnh tranh; khối khu công nghiệp chưa có tín hiệu rõ ràng về cơ chế thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất; đặc biệt là ảnh hưởng nghiêm trọng của dịch bệnh Covid-19. Một số thông tin khác. Theo phê duyệt của tỉnh Đồng Nai, GVR sẽ chuyển nhượng khoảng 1.800 ha trong dự án thu hồi đất, bồi thường hỗ trợ, tái định cư Cảng Hàng không Quốc tế Long Thành trong khoảng trước tháng 10/2020, với giá đền bù 475 triệu đồng/ha (chưa bao gồm cây cao su). KQKD quý 1.2020. Doanh thu thuần đạt gần 121 tỷ đồng cao gấp 2,5 lần cùng kỳ đến chủ yếu từ 103 tỷ đồng doanh thu cho thuê khoảng 9ha đất KCN và phí quản lý khoảng và hơn 15 tỷ đồng doanh thu hoạt động khu dịch vụ thể dục thể thao, LNNT đạt 53.6 tỷ đồng (gấp 2.89 lần cùng kỳ), lần lượt hoàn thành được 32% kế hoạch doanh thu và 47% kế hoạch LNNT, biến LNG ổn định duy trì ở mức 53%. Kế hoạch 2020: Doanh thu 371 tỷ đồng, LNNT 115.4 tỷ đồng trong đó (1) KCN: ký thuê 23ha, ký MOU 50ha, doanh thu cho thuê đất KCN, thuê nhà xưởng, phí quản lý và dịch vụ 282 tỷ, trong đó thuê đất KCN, nhà xưởng, phí quản lý khoảng 278 tỷ đồng. (2) BOT: dự kiến 64.5 tỷ đồng (3) Tư vấn giám sát: 3.5 tỷ đồng, sân golf 5.5 tỷ đồng (cho thuê sân tập) (4) BĐS dân dụng: 5 tỷ.
Express SZC 2020Q2	5/5/2020	Kế hoạch kinh doanh: Tổng doanh thu đạt 6,200 tỷ (-20%yoy), LNNT đạt 433 tỷ (-48%yoy). Dự kiến chia cổ tức 2019 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 15% vào quý 3. Kết quả Q1/2020: Doanh thu đạt 1,600 tỷ (-14%yoy), lợi nhuận sau thuế đạt 114.6 tỷ (-34.5%yoy). Nguyên nhân đến từ (1) sản lượng vận tải dầu thô và dầu sản phẩm từ Dung Quất và Nghi Sơn giảm do cầu yếu, tồn kho nhiều và (2) giá dầu giảm mạnh => giá cước tàu dầu thô chạy nội địa giảm để hỗ trợ các nhà máy lọc dầu. Với giả định (1) giá dầu trung bình năm 2020 ở mức 48.5\$/thùng (-24%yoy) và (2) nhà máy lọc dầu Dung Quất và Nghi Sơn hoạt động ở mức công suất 90%, BSC ước tính doanh thu và lợi nhuận sau thuế của PVT lần lượt đạt 6,860 tỷ (-11%yoy) và 632 tỷ (-23%yoy). Với giả định (1) giá dầu trung bình năm 2020 ở mức 48.5\$/thùng (-24%yoy – tương đương 50% mức giảm từ trường hợp xấu nhất) và (2) nhà máy lọc dầu Dung Quất và Nghi Sơn hoạt động ở mức công suất 90%, BSC ước tính doanh thu và lợi nhuận sau thuế của PVT lần lượt đạt 6,860 tỷ (-11%yoy) và 632 tỷ (-23%yoy). Trong trường hợp xấu nhất, nhu cầu dầu thấp khiến giá dầu ở mức 33\$/thùng và Dung Quất cùng Nghi Sơn chỉ hoạt động với công suất 70%, chúng tôi ước tính doanh thu và lợi nhuận sau thuế cả năm của PVT đạt 6.1 nghìn tỷ (-20%yoy) và LNNT đạt 493 tỷ (-39%yoy – không tính thanh lý tàu) – tương đương điều chỉnh giảm 13.5% và 42% so với dự phóng đầu năm. Chúng tôi sẽ tiến hành đánh giá lại khi có số liệu đầy đủ và chính xác hơn. Kế hoạch kinh doanh: Tổng doanh thu đạt 6,200 tỷ (-20%yoy), LNNT đạt 433 tỷ (-48%yoy). Dự kiến chia cổ tức 2019 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 15% vào quý 3.
Express HPG 2020Q2	4/28/2020	Kế hoạch kinh doanh: Tổng doanh thu đạt 6,200 tỷ (-20%yoy), LNNT đạt 433 tỷ (-48%yoy). Dự kiến chia cổ tức 2019 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 15% vào quý 3. Kết quả kinh doanh năm 2020 DGC đạt kế hoạch doanh thu 6,085 tỷ (+19.5% YoY) và lợi nhuận sau thuế 600 tỷ (+4.9% YoY). Kết quả kinh doanh Quý 1 DGC ghi nhận doanh thu và lợi nhuận sau thuế lần lượt là 1,520 tỷ (+30.6% YoY) và 199.5 tỷ (+66.3% YoY). Biên lợi nhuận gộp đạt 20.1%, tăng mạnh từ mức 16.9% cùng kỳ. Công ty cho biết trong quý 1 năm 2020 sản lượng tăng 30.1% (chủ yếu ở sản phẩm phốt pho và phân bón), như vậy, giá bán bình quân tiếp tục đi ngang. Việc biên lợi nhuận gộp tăng mạnh BSC cho rằng nhờ giảm chi phí đầu vào: Giá than cốc (chiếm ~10% COGS) giảm 10.3% YoY. DGC cho biết việc vận chuyển hàng hóa vẫn diễn ra bình thường trong quý 1 năm 2020. Thuế xuất khẩu mặt hàng Phốt pho Bộ Tài chính quyết định giữ nguyên mức thuế xuất khẩu với Phốt pho vàng là 5% sau khi tỉnh Lào Cai đề xuất tăng lên mức 20%.
Express PVT 2020Q2	4/27/2020	Kế hoạch kinh doanh: Tổng doanh thu đạt 6,200 tỷ (-20%yoy), LNNT đạt 433 tỷ (-48%yoy). Dự kiến chia cổ tức 2019 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 15% vào quý 3. Kết quả kinh doanh năm 2020 DGC đạt kế hoạch doanh thu 6,085 tỷ (+19.5% YoY) và lợi nhuận sau thuế 600 tỷ (+4.9% YoY). Kết quả kinh doanh Quý 1 DGC ghi nhận doanh thu và lợi nhuận sau thuế lần lượt là 1,520 tỷ (+30.6% YoY) và 199.5 tỷ (+66.3% YoY). Biên lợi nhuận gộp đạt 20.1%, tăng mạnh từ mức 16.9% cùng kỳ. Công ty cho biết trong quý 1 năm 2020 sản lượng tăng 30.1% (chủ yếu ở sản phẩm phốt pho và phân bón), như vậy, giá bán bình quân tiếp tục đi ngang. Việc biên lợi nhuận gộp tăng mạnh BSC cho rằng nhờ giảm chi phí đầu vào: Giá than cốc (chiếm ~10% COGS) giảm 10.3% YoY. DGC cho biết việc vận chuyển hàng hóa vẫn diễn ra bình thường trong quý 1 năm 2020. Thuế xuất khẩu mặt hàng Phốt pho Bộ Tài chính quyết định giữ nguyên mức thuế xuất khẩu với Phốt pho vàng là 5% sau khi tỉnh Lào Cai đề xuất tăng lên mức 20%.
Express DGC 2020Q2	21/4/2020	Kế hoạch kinh doanh: Tổng doanh thu đạt 6,200 tỷ (-20%yoy), LNNT đạt 433 tỷ (-48%yoy). Dự kiến chia cổ tức 2019 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 15% vào quý 3. Kết quả kinh doanh năm 2020 DGC đạt kế hoạch doanh thu 6,085 tỷ (+19.5% YoY) và lợi nhuận sau thuế 600 tỷ (+4.9% YoY). Kết quả kinh doanh Quý 1 DGC ghi nhận doanh thu và lợi nhuận sau thuế lần lượt là 1,520 tỷ (+30.6% YoY) và 199.5 tỷ (+66.3% YoY). Biên lợi nhuận gộp đạt 20.1%, tăng mạnh từ mức 16.9% cùng kỳ. Công ty cho biết trong quý 1 năm 2020 sản lượng tăng 30.1% (chủ yếu ở sản phẩm phốt pho và phân bón), như vậy, giá bán bình quân tiếp tục đi ngang. Việc biên lợi nhuận gộp tăng mạnh BSC cho rằng nhờ giảm chi phí đầu vào: Giá than cốc (chiếm ~10% COGS) giảm 10.3% YoY. DGC cho biết việc vận chuyển hàng hóa vẫn diễn ra bình thường trong quý 1 năm 2020. Thuế xuất khẩu mặt hàng Phốt pho Bộ Tài chính quyết định giữ nguyên mức thuế xuất khẩu với Phốt pho vàng là 5% sau khi tỉnh Lào Cai đề xuất tăng lên mức 20%.

Room tư vấn Skype



Room tư vấn Zalo



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn

Cộng Trại

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong

Trần Thành Hưng

Nguyễn Hoàng Dương

Nguyễn Hoàng Nguyễn

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn

hungtt@bsc.com.vn

duongnh@bsc.com.vn

nguyennh@bsc.com.vn